

Bài 4.

YÊU CẦU CHUNG CỦA VIỆC DÙNG TỪ VÀ CÂU

I. RÈN LUYỆN KỸ NĂNG DÙNG TỪ

1. Yêu cầu của việc sử dụng từ, ngữ trong văn bản

Lựa chọn và sử dụng từ, ngữ trong văn bản cần phải dựa trên những cơ sở thống nhất, những cơ sở tiêu chuẩn kiến cho việc giao tiếp đạt hiệu quả. Các cơ sở của việc lựa chọn đó chính là yêu cầu của việc dùng từ trong văn bản. Từ, ngữ sử dụng trong văn bản cần phải bảo đảm các yêu cầu cơ bản sau:

a. Dùng từ phải đúng về âm thanh và hình thức cấu tạo

Từ là đơn vị hai mặt: âm thanh và ý nghĩa. Hai mặt này đều được cộng đồng xã hội quy định và chấp nhận. Vì vậy, khi sử dụng từ ngữ, đầu tiên chúng ta phải đảm bảo đúng về âm thanh của từ được xã hội công nhận. Việc không ghi lại đúng âm thanh sẽ làm cho người ta không hiểu hoặc hiểu sai nội dung câu nói:

Ví dụ:

Không nói	Cần nói
Bàn quang	Bàn quan
Sáng lờng	Xán lờn
Không đĩnh	Khổng đĩnh
Sát nhíp	Sáp nhíp
Triều tấp ng	Tru tấp ng
Tuyển tuyển	Tiến tuyển

b. Dùng từ phải đúng ý nghĩa

Ý nghĩa của từ là mặt trong hai mặt của từ, được cộng đồng xã hội thừa nhận và sử dụng trong giao tiếp hàng ngày. Thông thường các ý nghĩa này được ghi lại trong các từ điển giải thích. Khi sử dụng từ ngữ, cần bảo đảm đúng các mặt sau:

- Chọn đúng hình thức khách quan (số vật, hành động, tính chất) cần nói tới.
- Biện pháp đúng khái niệm cần diễn đạt.
- Phấn ánh đúng thái độ, tình cảm của người viết, người nói đối với hình thức khách quan, đối với người được văn bản.

Ví dụ: Hổ Chó thích trong "Tuyên ngôn độc lập" đã chèn trong hàng loạt các từ đồng nghĩa: *nhún, dún, dìm, nhún, dúng, nhúng, tằm, gỏi, rùa...* một từ thích hợp nhất để từ cáo tội ác đã man dã của Thúc dân Pháp.

"Chúng tôi đem các cuộc chiến nghĩa của nhân dân ta trong các bữa máu".

c. Dùng từ phải đúng để đảm bảo pháp của chúng.

Từ là đơn vị tạo câu. Khi tham gia vào câu, từ không chỉ có hình thức và ý nghĩa mà còn có những đặc điểm ngữ pháp nữa. Để với tiếng Việt, đặc điểm ngữ pháp của từ thể hiện rõ nhất ở khả năng kết hợp, chức năng ngữ pháp của từ trong câu. Khi cho các từ kết hợp với nhau, bố trí từ để nhận biết một chức năng ngữ pháp nào đó trong câu, cần phải tính toán và tuân theo các đặc điểm ngữ pháp của từ.

Ví dụ:

Điều 1. Giao ông Nguyễn Văn A phụ trách Phòng Giao dịch khách hàng kể từ ngày 01/3/2000 là một kết hợp sai. Phải sử dụng thêm quan hệ từ "cho"

Điều 1. Giao cho ông Nguyễn Văn A phụ trách Phòng Giao dịch khách hàng kể từ ngày 01/3/2000.

d. Dùng từ phải phù hợp với phong cách chức năng.

Ngôn ngữ được sử dụng bao giờ cũng thu hút một phong cách chức năng nhất định. Mỗi phong cách chức năng có những yêu cầu riêng trong việc sử dụng các phương tiện ngôn ngữ. Trong tiếng Việt, để đa số các từ là từ đa phong cách (từ được sử dụng trong nhiều phong cách) nhưng có một số từ chuyên dùng cho một hoặc một số phong cách chức năng nhất định.

Ví dụ:

Trong văn bản hành chính thường có một từ ngữ hành chính với tính khuôn mẫu và trang trọng như: *ban hành, trên trình đề nghị, nghiêm cấm, bãi bỏ, đình chỉ...* Văn bản khoa học lại có nhiều thuật ngữ khoa học riêng biệt với các ngành khoa học nhất định như: *giao thoa, điện trở, gen trội...* Chính vì vậy, từ ngữ được sử dụng trong văn bản phải phù hợp với phong cách chức năng của văn bản.

e. Tránh dùng từ thô a, lố p; sáo rỗng, công thức.

- Hiện tượng dùng thanh a thì là dùng hai hoặc hơn hai chữ và dùng nghĩa để cùng biểu đạt một nội dung. Nên ta chọn một chữ và từ “đặt” nhất, có khả năng biểu đạt chính xác nội dung văn đề và loại bỏ các chữ và từ còn lại.

Ví dụ: *Tái tạo lại, chưa và thành niên, hoàn thành xong, nghiêm cấm không được vi phạm, bắt buộc cần phải...* là những từ hợp thanh a. Cần nên dùng: *tái tạo, và thành niên (hoặc chưa thành niên), hoàn thành (hoặc xong), nghiêm cấm vi phạm (hoặc không được vi phạm), bắt buộc (hoặc cần phải)*

- Hiện tượng lặp từ (không có dụng ý của người viết) hầu hết là do người viết nghèo nàn vốn từ nên dùng lặp đi lặp lại một chữ và từ vựng khiến cho văn bản trở nên đơn điệu, thiếu tính thuyết phục.

Ví dụ: *Thầy cô giáo giảng. Đêm nay, Thầy thức rất khuya* sẽ kém hiệu quả hơn khi viết: *Thầy cô giáo giảng. Đêm nay, y thức rất khuya.*

Học: *Nghe chuyện Thánh Gióng, tôi từng thấy ông ra mắt Thánh Gióng sẽ có vóc dáng người, những tâm hồn còn thô sơ, gần gũi như tâm hồn của tất cả mọi người xa. Thánh Gióng gặp lúc quốc gia lâm nguy đã xông pha trận đem sức khỏe mà đánh tan giặc, những bậc thầy ông dạy. Tuy thế, Thánh Gióng vẫn còn ăn một bữa cơm...*

Nếu viết như trên, đoạn văn sẽ mất lợi thế lặp từ, giảm đi hay cả văn bản. Vì vậy, tác giả Nguyễn Đình Thi đã viết: *Nghe chuyện Phù Đổng Thiên Vương, tôi từng thấy ông ra mắt **tràng nam nhi** sẽ có vóc dáng người, những tâm hồn còn thô sơ, gần gũi như tâm hồn của tất cả mọi người xa. **Tráng sĩ** này gặp lúc quốc gia lâm nguy đã xông pha trận đem sức khỏe mà đánh tan giặc, những bậc thầy ông dạy. Tuy thế, **người trai làng Phù Đổng** vẫn còn ăn một bữa cơm...*

- Hiện tượng dùng từ ngữ sáo rỗng, văn hoa thái quá cũng bị coi là lỗi dùng từ.

Ví dụ: *Lao động chân tay là đáng quý lắm, vinh quang lắm và thật hào lắm.*

2. Một số lỗi và từ cần tránh

- Tránh dùng từ thừa, từ lặp
- Tránh dùng từ sai âm, sai nghĩa
- Tránh dùng từ không đúng với khả năng kết hợp
- Tránh dùng từ lệch phong cách
- Tránh dùng từ sáo rỗng

II. RÈN LUYỆN KỸ NĂNG VIẾT CÂU

1. Những yêu cầu viết câu trong văn bản

a. Câu xét theo quan hệ hình thức ngữ pháp.

- Câu phải được viết đúng quy tắc ngữ pháp tiếng Việt.
- Câu phải đúng về nghĩa.
- Câu được diễn đạt câu cho phù hợp với chính thể tiếng Việt và nội dung của câu.
- Phù hợp phong cách chức năng.

b. Câu xét về quan hệ hình thức ngữ nghĩa.

- Câu cần hình thức tối thiểu của văn bản. Đó là câu sở dĩ tồn tại tính trọn vẹn về nội dung.

- Câu cần phải được hoàn chỉnh về mặt hình thức.
- Câu cần được liên kết với nhau hài hòa bởi các phương tiện sau đây:

* Phương tiện logic

+ Liên kết ngữ:

"Lưu t này có hiều lần thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 1998.

Những quy định trên đây trái với Lưu t này đều bãi bỏ"

+ Liên kết cấu trúc:

"Căn cứ Nghị định số 38/CP ngày 18-5-1996 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động công chức nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 38/CP ngày 04-6-1993 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Ban Tổ pháp;"

* Phương tiện thời gian

"Căn cứ vào quá trình đại, đời sống và nhu cầu của địa phương, HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định mức lãi suất cho vay không quá 5% đối với nông nghiệp để phục vụ cho nhu cầu công ích của địa phương. Chính phủ quy định việc sử dụng đối tượng này".

* Phương tiện liên tưởng

+ Liên tưởng để ngỏ:

"Quá trình thi hành quy định, quy định giám sát tối cao đối với việc quản lý và sử dụng đất đai trong các lĩnh vực.

Hội đồng nhân dân thành phố hiện quy định, quy định giám sát việc quản lý và sử dụng đất đai trong địa phương mình."

+ Liên tịch nghị quyết về toàn thể và ngành công nghiệp:

"Nghiêm cấm sản xuất, vận chuyển, buôn bán, tàng trữ, sử dụng trái phép thuốc phiện và các chất ma túy khác. Nhà nước quy định chế độ bắt buộc cai nghiện và chữa các bệnh xã hội nguy hiểm".

+ Liên tịch nghị quyết lập:

"Nhà nước phát triển công tác thông tin, báo chí, phát thanh, truyền hình, điện thoại, xuất bản, thư viện và các phương tiện thông tin đại chúng khác. Nghiêm cấm nhúng tay vào đời sống văn hóa, thông tin làm tổn hại lợi ích quốc gia, phá hoại nhân cách, đạo đức và lợi ích cộng đồng của người Việt Nam".

+ Liên tịch nghị quyết nhân quyền:

"Tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn để tham ô, hối lộ hoặc cố ý làm trái pháp luật vì lợi ích cá nhân, gây thiệt hại cho tài sản của Nhà nước, tập thể và cá nhân.

Người có hành vi tham nhũng phải bị xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật"

+ Liên tịch nghị quyết định:

"Tích cực thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, mở rộng, đa phương hóa và đa dạng hóa các quan hệ quốc tế, phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác với tất cả các nước. Ra sức tăng cường quan hệ với các nước láng giềng và các nước trong khu vực ASEAN, không ngừng củng cố quan hệ với các nước bạn bè truyền thống..., phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển. Nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Củng cố môi trường hòa bình và tranh thủ điều kiện quốc tế thuận lợi để huy động nguồn lực xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đóng góp vào cuộc đấu tranh chung của nhân loại vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội".

***Phân ngành thực hiện**

+ Nội bộ quan hệ:

"Trong những năm qua, UBND thành phố đã triển khai thực hiện Nghị quyết 06/CP ngày 29-01-1993 của Chính phủ về phòng chống và kiểm soát ma túy. Các

ngành, các cấp và các đoàn thể đã có nhiều biện pháp tích cực để ngăn chặn tình trạng buôn bán, tàng trữ và sử dụng các chất này. **Song**, do tình hình khai thác hiện nay của chất chích, thiều biện pháp quản lý đang biến đổi, chất này đang xuất hiện ở dạng, nhiều chất, chất có quy trình cai nghiện và chất trả đúng, công tác tuyên truyền giáo dục chất sâu rộng... nên kết quả điều tra còn rất hạn chế".

+ Nội dung các tài liệu có tác động chuyển tiếp:

"Thức hiện dán tem hàng nhập khẩu là biện pháp tích cực để quản lý nhập khẩu và tiêu thụ hàng nhập khẩu, công tác này có liên quan đến nhiều tài liệu, cá nhân và có các loại hình kinh doanh, nội phạm tử hình khai trong thời gian rất ngắn. **Do đó**, sẽ có nhiều khó khăn, phạm vi. **Vì vậy**, UBND thành phố yêu cầu các cấp, các ngành cần coi đây là một công tác trọng tâm để xử lý; phạm vi chung để đo sát sao và quản lý theo yêu cầu của Chính phủ này và Thông tư số 30/1998/TTLT-BTC-BTM-BNV-TCHQ ngày 16-3-1998 của liên bộ Tài chính - Thương mại - Nội vụ - Tổng cục Hải quan".

2. Các loại lỗi câu thơ ngữ pháp

a. Lỗi về cấu trúc câu

* **Thiếu các thành phần nòng cốt của câu**

Thành phần nòng cốt của câu là thành phần nhất thiết phải có mặt để chuỗi từ ngữ kết hợp với nhau để diễn đạt ý kiến trình bày câu, nghĩa là chúng có thể được lược bỏ với nội dung ngữ nghĩa và hoàn chỉnh về hình thức thể hiện.

Thành phần nòng cốt của câu gồm: Chủ ngữ, vị ngữ và đôi khi là một số bộ phận xuất hiện có tính chất bắt buộc trong câu. Đối với phong cách ngôn ngữ văn chương nghệ thuật hoặc khẩu ngữ, do có sự hỗ trợ của ngữ cảnh và người nghe không cần cần vào để ý để thành phần nòng cốt vẫn có thể lĩnh hội được nội dung ý nghĩa của phát ngôn (tức là sự xuất hiện câu tỉnh lược để tiết kiệm trong một ngữ cảnh cụ thể vẫn có thể thể hiện được hoạt động giao tiếp).

Có thể chia kiểu lỗi sai này thành các loại cụ thể như sau:

+ **Câu thiếu chủ ngữ**

Ví dụ: Ngày càng phát triển nhiều thành tựu về khoa học và kỹ thuật.

+ **Câu thiếu vị ngữ**

Ví dụ: Thành phố Hồ Chí Minh – Trung tâm kinh tế của cả nước.

+ Câu thiêu có chủ ngữ lẫn với ngữ.

Ví dụ: *Đến đêm báo trời tối, an toàn xã hội trong những ngày lũ lớn trong năm 2007.*

+ Thiêu một vài câu ghép

Câu ghép là loại câu thường được sử dụng trong trình bày hợp lý trình bày những sự việc có tính liên tiếp nhau để những sự việc có liên quan một thiết với nhau. Thành phần của câu ghép ít nhất cũng gồm hai cụm chủ vị nòng cốt, được nối với nhau bằng dấu phụ hoặc các quan hệ từ. Chính vì cấu tạo ngữ pháp của nó phức tạp như vậy nên người không nắm chắc quy tắc ngữ pháp mới là người viết thiếu và (thiếu cụm chủ vị nòng cốt) khi khai triển câu.

Ví dụ: *Mặc dù trong những năm qua Nhà nước ta đã ban hành rất nhiều văn bản quy định về công tác soạn thảo văn bản hành chính nhưng công tác này đi vào nề nếp.*

Muốn tránh lỗi, người viết cần thận trọng khi sử dụng câu ghép. Nếu các vế câu có khả năng độc lập cao thì có thể bỏ quan hệ từ, tách ra thành các câu đơn; nếu thiết phải dùng câu ghép thì không nên quá sa đà vào việc phát triển các ý phụ của một vế mà bỏ sót các vế khác.

*** Sắp xếp sai trật tự từ trong câu**

Tiếng Việt là một ngôn ngữ không biến hình từ, chủ yếu dựa vào ngữ pháp của từ thường do vị trí của chúng trong câu quy định. Trật tự từ là một trong những phương thức ngữ pháp quan trọng của tiếng Việt.

Sự thay đổi vị trí của từ trong câu thường kéo theo sự thay đổi về nghĩa của câu. Trong thực tế tạo lập văn bản, rất nhiều trường hợp do đặt sai vị trí của từ trong câu mà dẫn đến hậu quả câu không biểu hiện đúng ý đồ của người viết hoặc câu trở thành đa nghĩa hay vô nghĩa.

Ví dụ: *Phong trào báo về thiên nhiên trong các trường học phổ thông đã được phát động ngay từ đầu năm học.*

hoặc *Năm 2006, những văn bản về phòng chống tội nạn xã hội của Chính phủ đã được các Bộ, ngành, địa phương tích cực thực hiện.*

Đôi khi văn bản hành chính, văn bản khoa học thì càng phải cần trọng trong việc sắp xếp trật tự từ trong câu.

* Dùng sai cặp từ quan hệ trong câu ghép

Trong câu ghép, thường dùng một số cặp quan hệ từ tiêu biểu để biểu thị quan hệ ngữ nghĩa:

- + Quan hệ nguyên nhân - kết quả: *Vì ... nên, do ... cho nên, chính vì... thành thử.*
- + Quan hệ tăng tiến: *Bao nhiêu... bấy nhiêu, càng ... càng, sao vậy.*
- + Quan hệ tương phản: *Tuy ... nhưng, mặc dù.... vậy, dù.... song. v.v. ..*

Trong khi viết câu, có nhiều người đã không sử dụng đúng các cặp từ quan hệ với những quan hệ ngữ nghĩa tương ứng kể trên.

Ví dụ: *Tuy gặp rất nhiều khó khăn trong việc triển khai thực hiện kế hoạch nhưng kết quả đạt được còn rất hạn chế.*

Những trường hợp viết câu như vậy như những điển hình của tác động của văn bản.

b. Lỗi về nghĩa

- Phép ánh sai hinein thực khách quan

Ví dụ: *Chính phủ là cơ quan quản lý của Nhà nước cao nhất.*

- Câu viết không hợp từ duy của người viết

Ví dụ: *Báo cáo tình hình năm đang được hoàn chỉnh bởi Phòng HCTC.*

- Câu không có thông tin mới

Ví dụ: *Ngày hôm nay có buổi sáng, buổi chiều và cả đêm.*

- Quan hệ ngữ nghĩa giữa các thành phần không hợp logic.

Ví dụ: *Trong thanh niên nói chung, trong bóng đá nói riêng, chúng ta đã đạt được nhiều thành tích đáng kể.*

c. Các lỗi về dấu câu.

Tiếng Việt có 11 loại dấu câu với các chức năng khác nhau và các vị trí khác nhau. Lỗi về câu chính là những trường hợp sử dụng dấu câu không đúng vị trí và chức năng vốn có của nó.

Ví dụ: *Bởi vì ta tốn công vào việc dịch tin tức thì thì.*

d. Sử dụng câu sai phong cách ngôn ngữ.

Có nhiều phong cách chức năng khác nhau để nói:

- Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt
- Phong cách ngôn ngữ văn chương nghệ thuật
- Phong cách ngôn ngữ khoa học
- Phong cách ngôn ngữ chính trị - tuyên truyền
- Phong cách ngôn ngữ chính luận
- Phong cách ngôn ngữ báo chí, tin tức
- Phong cách ngôn ngữ hành chính - công vụ

Mỗi phong cách ngôn ngữ có một yêu cầu riêng về cách sử dụng từ ngữ và đặt câu. Đa số các kiểu câu đều có thể dùng để kiến tạo văn bản. Tuy nhiên có một số loại phong cách ngôn ngữ chỉ thích hợp với loại câu này mà không thích hợp với loại câu khác.

Chẳng hạn, phong cách ngôn ngữ hành chính công vụ ưu tiên sử dụng câu trần thuật và câu cầu khiến; không sử dụng câu nghi vấn và rút hẳn hầu sử dụng câu cảm thán; không dùng lối diễn đạt cầu kỳ, bóng bẩy của văn bản nghệ thuật.

Ví dụ: *Chúng ta phải nhanh chóng nghiêng nhà ra biển, cứu vãn mùa màng, ổn định đời sống cho nhân dân.*

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

CÂU HỎI

Câu hỏi 1. Nêu những yêu cầu chung của việc dùng từ

Câu hỏi 2. Nêu những yêu cầu của việc đặt câu.

Câu hỏi 3. Phân tích các biểu hiện lối thi công ghép của việc dùng từ. Cho ví dụ minh họa.

BÀI TẬP

Bài tập 1. Tìm lỗi và sửa lỗi cho đúng:

1) Là người chịu trách nhiệm trực tiếp UBND Thành phố và HĐND quận và quản lý nhà nước trên địa bàn quận. Lãnh đạo, điều hành toàn bộ các mặt công tác của cơ quan UBND quận. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị của các cơ quan nhà nước cấp trên, triểu tập và chỉ trì các phiên họp của UBND quận, chỉ đạo các hoạt động địa phương ngoài địa phương.

2) Để đảm bảo không có ai nhà trẻ nghiêm minh, chúng tôi tình nguyện mất sự gia đình ở khu tập thể tôi chuyển vào và sẽ đóng nhà ở căn phòng của nhà trẻ để chia phân phối. Để ông tôi báo đảm cho công trình không bị hỏng. Nay văn phòng xin thông báo mất sự nên dùng như sau: (...)

3) Quan Hóa, một huyện vùng cao nằm ở phía Tây bắc của tỉnh Thanh Hóa. Đây là vùng có nhiều xã thuộc diện đặc biệt khó khăn.

4) Để có biết Ban chấp hành Trung ương Đảng đang muốn lấy ý kiến góp ý cho dự thảo báo cáo chính trị tình hình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX sẽ họp vào năm 2001. Tôi là một Đảng viên, hoạt động lâu năm trong lĩnh vực Ngân hàng nên hiện nay đã về hưu. Xin có một số ý kiến sau đây....

5) Theo tôi Công nhân nhật báo xuất bản tại Bắc Kinh nói rằng ông Lý Quý Sinh trước đó bị cảnh sát bắt vì tội giết người giết mổ.

6) Các bạn vừa nghe xong bản tin thì tôi sẽ đã kết thúc chương tình phát thanh hôm nay của Đài chúng tôi.

7) Trong tình hình hiện nay đã chứng tỏ rằng dự đoán của tôi trên là hoàn toàn có cơ sở.

8) Các em làm phiên dịch, biên dịch, hàng ngày viên không chuyên, kinh doanh vật, làm gia sư, tham chí đi xích lô, tiếp khách nhà ngày...mặc dù trong số đó có nhiều em không thuộc diện bị mất không nuôi nấng. Nhưng rồi thời gian cũng qua đi, âm thầm biết chầu đợi, rèn luyện, tu chí, rồi cũng hết xong đời họ, có chút ít kinh nghiệm bon chen giữa cuộc đời.

9) Qua đợt phát động thi đua vừa rồi cho thấy thanh niên chúng ta còn rất sôi nổi, rất nhiệt huyết và cũng rất sáng tạo.

10) Theo hiện công văn số 1214 ngày 12/2/1997 của UBND Quận hàng ngày viên trình khai công tác phòng cháy chữa cháy. Phòng chúng tôi đã tiến hành thực hiện công tác và đưa vào hoạt động có hiệu quả.

11) Với sự nỗ lực phi thường của người lính có tâm huyết đã cứu được một anh thoát khỏi cơn bão.

12) Nhân dịp một ông Việt kiều hào tâm về thăm quê hương, đến xã thấy lớp học của các cháu tuấn tú quá nên tôi nghĩ cho ít tiền xây dựng lại khang trang như thế này.

13) Chính ông, một nguyên thủ quốc gia với những chính sách trọng quốc có nhiều thay đổi theo hoàn cảnh có lợi cho người da đen.

14. Những thiết hại do nạn ô nhiễm môi trường gây ra không thể kể bằng số liệu hay con số cụ thể.

15. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn vừa tổ chức cho các sinh viên và học sinh đi thăm nháp thực tế.

16. Căn cứ Nghị định 06/2010/NĐ-CP quy định những người là công chức của Chính phủ ngày 25/1/2010.

17. Chiếu theo lời đề nghị của ông (bà) Võ trường vụ Tổ chức - Cán bộ.

18. Trong lúc hàng nôi đãa đang bị "trần ngập" bị hàng ngoài.

19. Trong nạn kinh tế thị trường đa dạng hàng hóa.

20. Trong hội nghị đã bầu ra Ban Thanh tra nhân dân mới.

21. Đối ngũ các nhà báo phải trong sách thì uy tín của báo chí càng lớn.

22. Đây là một vấn đề nghiêm trọng của một đề vì phạm lớn số người tham gia, và nó mang tính chất maphia rõ rệt.

23. Buôn lậu không phải là những nạn đau cho sự phát triển kinh tế mà còn là một trong những thách thức của đất nước.

24. Những bệnh nhân không cần phải mổ mổ, để các khoa để tích cực pha chế, điều trị bằng những thuốc tra một đề bị.

25. Với lý do trình bày như trên, tập thể lớp chúng em yêu cầu lãnh đạo nhà trường và Phòng đào tạo xem xét rồi quyết định ngay.

26. Để tiếp hợp thông tin báo cáo Giám đốc. Phòng HCTC yêu cầu các đơn vị nộp ngay và khẩn trương báo cáo số kết 6 tháng đầu năm của đơn vị mình cho Phòng.

27. Điều 1: Nay Hội trường ban hành kèm theo quy định này bản quy chế chi tiêu nội bộ của Trường Cao đẳng Nội vụ Hà Nội.

28. Kính thưa cô giáo bạn môn! Vì em quá, nên em viết mấy dòng mong cô cho nghỉ vài buổi học. Khi nào khỏe, em sẽ đi và chép bài để. Xin chân thành cảm ơn cô.

29. Điều 3: Trường các Phòng HCTC, KHTC và các đơn vị, các ông bà có tên trên căn cứ văn bản thực hiện.

30. Yêu cầu các đồng chí lãnh đạo cấp trên xem xét, giải quyết. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn.

Bài tập 2. Chọn phương án đúng

- 1) a/ Chân anh công an vùng quê băng, nhòm dõy chõy theo chõ Lõõng.
b/ Anh công an, chân còn quờn băng mà vờn chõy theo chõ Lõõng.
- 2) a/ Trong nhõng năm cuõ i thõp kõ bõy mõi, đõu thõp kõ tám mõi, Lê Đình Chinh là ngõõ i thanh niên Viõ t Nam nõi tiõng.
b/ Trong nhõng năm cuõ i thõp kõ bõy mõi, đõu thõp kõ tám mõi, Lê Đình Chinh là ngõõ i thành niên nõi tiõng Viõ t Nam.
- 3) a/ Đõu năm nay, bà tôi đõnh tõ chõ c kõ niõm sinh nhõ t lờn thõ 20 cho cô tôi, nhõng cô tôi tõ chõ i.
b/ Trong năm nay, bà tôi đõnh tõ chõ c lờn thõ 20 kõ niõm sinh nhõ t cho cô tôi, nhõng cô tôi tõ chõ i.
- 4) a/ Trõ lõ i phõng vờn cõ a tân Thõ tõõng Thái Lan nhõn đõp nhõm chõ c.
b/ Tân Thõ tõõng Thái Lan trõ lõ i phõng vờn cõ a báo chí nhõn đõp nhõm chõ c
c/ Trõ lõ i phõng vờn cõ a tân Thõ tõõng Thái Lan võ i báo chí nhõn đõp nhõm chõ c.

Bài tập 3. Phõn nõi dung cõ a công văn sau viõ t chõ a đúng phong cách ngôn ngữ hành chính. Hãy sõ a lõ i cho thích hõp.

Thõ c hiõn Chõ thõ cõ a UBND Tõnh võ viõ c tăng cõõng cõng cõ và sõp xõp lõ i tõ chõ c cõ a các cõ quan quõn lý nhà nõõc trong đõa bàn các quõn, huyõn cõ a tõnh nhà. UBND huyõn Thái Hoà đõ nghõ thõ trõõng các cõ quan, đõn võ thuõ c đõa bàn huyõn Thái Hoà báo cáo ngay mõt sõ đõõm sau đây:

- Đõ án sõp xõp bõ trí lõ i cán bõ, công chõ c thuõ c đõn võ mình cho phù hõp võ i nhiõm võ đõõ c giao.
- Nhõng ai cõn thuyõn chuyõn sang đõn võ khác?
- Cõn xin ai thuõ c đõn võ khác võ đõn võ mình?
- Nhõng ai cõn nghõ theo chõ đõ chính sách?

Hãy huy động tất cả nhân lực có thể được trong hai ngày hoàn thành gấp rút công việc này! Báo cáo bằng văn bản cho UBND huyện trước 30/4/2010.

Bài tập 4. Phát hiện lỗi dùng từ trong các đoạn văn sau và sửa lại cho đúng

a. Nhà nước đầu tư, phát huy và tăng cường quản lý việc bảo vệ sức khỏe của quân dân, huy động và tổ chức mọi lực lượng xây dựng và phát triển y học Việt Nam theo phương hướng phòng, phòng ngừa bệnh và phòng bệnh, phát triển và kết hợp y dược cổ truyền với y học hiện đại, kết hợp y tế nhân dân với y tế nhà nước, thực hiện bảo hiểm y tế, tạo mọi điều kiện để mọi người dân được chăm chút sức khỏe; Nhà nước ưu tiên thực hiện chương trình chăm sóc sức khỏe đồng bào miền núi và dân tộc thiểu số; nghiêm cấm tổ chức và cá nhân chữa bệnh, săn xuất, buôn lậu thuốc chữa bệnh trái phép gây tổn hại cho sức khỏe của quân dân.

b. Số việc làm tạo thêm hàng năm gần đây đã xếp xó số người mới xung vào đội ngũ lao động. Đời sống vật chất của đời bộ phận người dân được cải thiện. Năng lực dân trí và mức độ văn hóa của nhân dân khá hơn trước. Các phong trào dân đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo được toàn dân hưởng ứng. Dân chủ được phát triển. Lòng tin của bà con dân đời với chế độ và tiền đò của đất nước, với Đảng và Nhà nước được củng cố.

c. Các lực lượng vũ trang ... phải tuyệt đời ... với Tổ quốc và nhân dân, có nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu ... để lập, chế tạo thành tựu, ... lãnh đạo Tổ quốc, an ninh quốc gia và trật tự, an toàn ..., bảo vệ chế độ ... chế độ nghĩa và nghĩa thành quả của cách mạng, cùng toàn dân ... đất nước.

Bài tập 5. Điền từ thích hợp vào chỗ trống

a. Công chức là ... Việt Nam, được tuyển dụng, bổ nhiệm vào ngạch, chức vụ, chức danh, trong biên chế, hưởng lương từ ... nhà nước hoặc được bảo đảm tài trợ lương của đơn vị sự nghiệp công lập theo của pháp luật, làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại Nghị định này.

b. Việc quản lý và ... con dấu trong công tác ... được thực hiện theo ... của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu và các quy định của Nghị định này.

Con dấu của cơ quan, tổ chức phải được giao cho văn thư giữ và đóng dấu tại cơ quan, tổ chức. ... văn thư có thực hiện những quy định sau:

- Không giao con dấu cho người khác khi chưa được phép bằng văn bản của người có ...;
- Phải tay đóng dấu vào các ..., giấy tờ của cơ quan, tổ chức;
- Chỉ được đóng dấu vào những ..., giấy tờ sau khi đã có chữ ký của người có ...;
- Không được đóng ... không chữ.

c. Người nào vi phạm các quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật về công tác văn thư thì tùy theo ..., mức độ ... mà bị xử lý ... hoặc truy cứu trách nhiệm ... theo quy định của

d. Tài liệu lưu trữ quốc gia là di sản của dân tộc, có giá trị đặc biệt đối với ... xây dựng và ... Tổ quốc Việt Nam ... xứng đáng.

e. Xếp phạt vi phạm hành chính được áp dụng đối với cá nhân, cơ quan, tổ chức (sau đây gọi chung là cá nhân, tổ chức) có ... cố ý hoặc vô ý vi phạm các ... của pháp luật về quản lý nhà nước mà không phải là tội phạm và theo ... của pháp luật phải bị xử phạt hành chính.

Bài tập 6. Điền chữ i vào chỗ trống để hoàn chỉnh văn bản sau cho đúng với văn phong hành chính

Tăng cường hiệu lực quản lý Nhà nước và phát huy quyên làm chủ tập thể của nhân dân lao động đối với chính quyền cấp xã là một vấn đề lớn có nhiều mặt cần giải quyết thật là đúng đắn⁽¹⁾. Trong đây, việc xây dựng và củng cố tổ chức nhân dân tộc xã vùng miền là công tác quan trọng và nó mang lại hiệu quả thiết thực cho công tác quản lý và phát huy quyên làm chủ tập thể của bà con lao động .

Đó mà thực hiện chủ trương này, trong thời gian gần một năm của năm 2011, các địa phương đã có vô số công việc đi vào thực hiện.

Qua sáu tháng đầu năm có nơi đã có thể chuyển hoàn chỉnh từ nhân dân đi vào hoạt động mang lại hiệu quả bước đầu. Tuy vậy mà, cũng còn một số nơi thực hiện chưa tốt...

Tailieu.vn

Bài 5

CÁCH DÙNG DẤU CÂU

I. Ý NGHĨA, TÁC DỤNG CỦA DẤU CÂU

Dấu câu là một trong những phương tiện ngữ pháp dùng trên văn bản viết (thay cho ngữ điệu khi nói). Nó có tác dụng làm cho nội dung của câu văn mạch lạc, khúc chiết; ngăn cách các thành phần trong câu theo cấu trúc.

Dùng dấu câu không chu đáo xác hoặc dùng dấu câu không phù hợp trong văn bản làm cho câu sai hoặc có nội dung mơ hồ.

II. CÁC LOẠI DẤU VÀ CÁCH SỬ DỤNG

(Trong bài này, các ví dụ được in nghiêng để phân biệt với phần lý thuyết)

1. Dấu chấm (.)

- Dấu chấm dùng để kết thúc câu tường thuật (câu kể) trên văn bản. Dù là câu đơn giản, câu rút gọn, câu đặc biệt hay câu ghép đều phải dùng dấu chấm câu. Trong giao tiếp bằng lời (phát thanh, đàm thoại, đối thoại, phát biểu, tường thuật...), sau dấu chấm câu có một ngừng ngắn để đoán tường thuật dài hơn so với dấu chấm phẩy và diễn ra tự nhiên, cần hiểu ngay.

Ví dụ: *Khi nhận được lệnh của Ban chấp hành, pháp lệnh, để thảo luận quy định, nghị định, Ban chấp hành có trách nhiệm kịp thời tổ chức việc thẩm định dự án luật, pháp lệnh, để thảo luận quy định, nghị định. Trong trường hợp cần thiết, Ban chấp hành có thể yêu cầu cơ quan soạn thảo thuyết trình về dự án, để thảo luận, cung cấp thông tin và tài liệu có liên quan đến dự án, để thảo luận văn bản đó.*

- Dấu chấm được dùng để kết thúc câu cầu khiến trong văn bản hành chính

Ví dụ: *Nghiêm cấm việc tàng trữ, buôn bán, sử dụng trái phép các chất ma túy.*

- Dấu chấm còn được dùng để kết thúc một đoạn trên văn bản hoặc kết thúc toàn bộ văn bản.

Ví dụ:

Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được soạn thảo, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng một văn bản quy phạm pháp luật do chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản

đó hoặc b₁ đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ hoặc một văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản khác phải xác định rõ tên văn bản, điều, khoản của văn bản bị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành.

Văn bản quy phạm pháp luật khi chế độ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành thì vẫn còn nguyên hiệu lực và phải được nghiêm chỉnh thi hành.

Lưu ý: Hiện nay, khi kết thúc văn bản, có người dùng dấu ./.. Tuy nhiên, đó không phải là dấu câu.

2. Dấu chấm hỏi (?)

Dấu chấm hỏi dùng trong câu nghi vấn (câu hỏi) nhất là trong trường hợp để hỏi.

Ví dụ: - Sao anh không đến?

- Tôi bận.

Cần chú ý:

a. Dấu chấm hỏi có thể dùng trong câu tường thuật, đặt trong dấu ngoặc để diễn biểu thị sự nghi ngờ.

Ví dụ:

- Anh ấy làm ra vẻ không biết gì (?)

- Thằng nó khôn ngoan chớ!

b. Không dùng dấu chấm hỏi trong trường hợp có từ nghi vấn trong câu hỏi của câu ghép với nghĩa nêu lên một điểm để cho ý tiếp theo.

Tình hình sản xuất của xí nghiệp ta hiện nay như thế nào, lãnh đạo Công ty đã nắm được chưa.

c. Khi muốn biểu thị ý nghi ngờ kèm theo sự mỉa mai, đặt dấu (?) ở cuối câu tường thuật.

Ví dụ:

Đài AFP đưa tin theo cách đưa tin của AFP.... họ là 80 người đi săn khá tốt như họ nghĩ.... (!?).

Lưu ý: Dùng chữ in hoa và in đậm để dùng trong phong cách văn chính thức, phong cách báo chí, chính luận; ít dùng để dùng trong phong cách khoa học.

Phong cách hành chính - công vụ không dùng lối diễn đạt này. Trên thực tế, có lối văn bản hành chính ký hiệu nhưng không xuất hiện câu hỏi.

3. Dùng chữ than (!)

Dùng chữ than thường để diễn đạt câu cảm thán, câu cầu khiến, khuyên ngăn, mệnh lệnh.

Ví dụ:

- Đã sáu năm rồi! Bớt bao là số để thay!

- Đi đi!

Khi dùng chữ than trong giao tiếp cần chú ý câu và dùng chữ than hay lên giọng tùy theo hoàn cảnh giao tiếp mà người dùng muốn thể hiện thái độ, tình cảm của mình.

Dùng chữ than còn có thể dùng trong câu ngoặc đơn (!) để biểu thị thái độ mỉa mai hay dùng cùng với chữ in hoa và in đậm trong ngoặc đơn (!?) để biểu thị thái độ mỉa mai và hoài nghi.

Ví dụ:

Anh ấy cũng là chuyên gia dạy tiếng Việt (!?)

Lưu ý: Vì dùng chữ than là một trong những phương tiện biểu cảm, do đó phong cách hành chính công vụ cần rất thận trọng khi sử dụng lối diễn đạt này. Văn bản hành chính đôi khi có dùng kiểu câu cảm thán biểu thị thái độ nhưng không dùng dùng chữ than để kết thúc câu mà dùng chữ in hoa.

Khi kết thúc một công văn hành chính có thể dùng câu cảm thán biểu thị thái độ.

Ví dụ:

Kính đề nghị lãnh đạo Sở quan tâm xem xét, giải quyết. Công ty xin chân thành cảm ơn.

Khi kết thúc một bài diễn văn, một bài phát biểu.

Ví dụ:

Xin chân thành cảm ơn sự có mặt của các đại biểu.

Chúc đại hội thành công rực rỡ.

Chỉ khi biểu thị sự tức giận, thì ông tức giận với một người đã khuất (đi u
vẫn) thì có dùng dấu chấm than.

Ví dụ:

- *Thì là đồng chí Nguyễn Văn A, Tổng Bí thư của chúng ta không còn nữa.*

- *Vĩnh biệt Nguyễn i, vị lãnh tụ Cách mạng vĩ đại của Đảng và giai cấp công nhân
Việt Nam!*

4. Dấu chấm lửng (...)

Khi nói, dấu chấm lửng được thay thế bằng từ "vân vân". Khi viết cũng có thể
dùng từ này, viết tắt "v.v..." hoặc dùng dấu 3 chấm. Dấu chấm lửng dùng để:

a. Đột cú ý câu khi người nói không muốn nói hết ý mình mà người nghe vẫn
hiểu rằng ý không nói ra:

Ví dụ:

- *Tình trong nhà đã... một ngoài còn e.*

(Nguyễn Du)

- *Có Nhàn, có Nhàn người đi... Một lát sau Gái bán mâm xuồng.*

(Nam Cao)

b. Dùng để thay thế sự liệt kê (tức là còn nữa)

Ví dụ:

- *Phân loại theo tên loại, văn bản có thể bao gồm: nghị quyết, nghị định, quyết
định, chỉ thị, thông tư, báo cáo v.v...*

- *Các văn bản giúp cho các cơ quan lãnh đạo và quản lý nhà nước tổ chức các
hoạt động cơ thể theo quy định hiện có của mình. Đó là các văn bản như quyết định, chỉ thị,
thông báo, công văn hướng dẫn các công việc cho cấp dưới, các báo cáo tình hình công
việc v.v....*

c. Đột sau từ, người biểu thị lời nói đột ngột

Ví dụ:

Giờ tao đây...!

(Nguyễn Công Hoan)

d. Đặt sau "tí tíng thanh" để biểu thị sự kéo dài âm thanh.

Ví dụ:

Tùng ... từng... từng....

e. Đặt sau tí, ng để biểu thị sự chậm rãi, hài hước.

Ví dụ:

- Giỏi tay hàng tuốt quân ta

Té ra công sự chẳng là công ... toi

g. Dùng chấm lửng (hoặc dấu chấm lửng trong ngoặc đơn) còn để dùng để biểu thị sự lửng lơ bất mãn, mất đoan nào đó trên văn bản.

Ví dụ:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: *B, của quan ngang B (sau đây gọi chung là B) là của quan của Chính phủ thể hiện chức năng quản lý nhà nước đối với ngành hoặc lĩnh vực công tác trong phạm vi của nước.*

(...)

Lưu ý: Phong cách hành chính - công vụ rất hạn chế dùng lối điệu này. Nếu có sử dụng phải hết sức thận trọng, tránh để người đọc hiểu lầm suy diễn ý.

5. Dùng hai chấm (:)

Dùng hai chấm dùng để:

a. Báo hiệu sự liệt kê

Ví dụ:

Viết hoa trong văn bản của Chính phủ và Văn phòng Chính phủ phải bỏ đi các yêu cầu sau:

- Đúng với ngữ pháp và chính tả tiếng Việt phổ thông.